

Bản án số: 516/2017/HS-PT
Ngày 09 – 10 – 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Lý.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 305/2017/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Trần Trọng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2017/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Trọng N (T); sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1957 và bà Lê Thanh T, sinh năm 1961; không có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2006, Tòa án nhân dân thành phố S xử phạt 01 năm tù về tội Hủy hoại tài sản, chấp hành xong hình phạt năm 2007; bị tạm giữ ngày 30/11/2016, tạm giam ngày 09/12/2016 đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Ngọc T– Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị hại: Châu Ngọc T1, sinh ngày 25/8/2004. Hộ khẩu thường trú: khóm 5, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1969, là mẹ ruột của bị hại. Hộ khẩu thường trú: khóm 5, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trọng N và Châu Ngọc T1, sinh ngày 25/8/2004 ngụ số đường T, khóm 5, phường 1, thành phố S quen biết nhau qua việc đi chơi chung với bạn bè và thường liên hệ với nhau qua mạng xã hội dẫn đến yêu thương nhau.

Khoảng 13 giờ ngày 24/11/2016, Châu Ngọc T1 cùng người bạn tên Tăng Thị Mỹ Y, sinh năm 2000 đi chơi game tại tiệm B (khóm 5 phường 1, thành phố S). Trong lúc đang chơi thì Y nhận được tin nhắn của người bạn tên Nguyễn Bảo D, sinh năm 1999 rủ đi đến tiệm Internet T ở gần nhà của Trần Trọng Ng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Y cùng T1 đi đến tiệm Internet T, khi đến nơi đã thấy D cùng N đang chơi game trong tiệm. Một lúc sau, D cùng Y lấy xe chạy đi thành phố C chơi, còn T1 ở lại tiệm Internet T tiếp tục chơi game.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, N rủ T1 cùng đi với bạn của Ng tên M, T2, T3 đến quán Karaoke Đ ở thành phố S rồi đến quán karaoke H gần chợ Ô thuộc xã T để hát Karaoke và uống bia. Khoảng 22 giờ cùng ngày, N cùng T1 đi tìm thuê nhà trọ để ngủ. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 25/11/2016, N và T1 thuê được phòng số 5 ở nhà trọ P ngụ ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Phước T4 làm chủ. Khi cả hai vào phòng, N nảy sinh ý định giao cấu với T1, nên N hỏi thì T1 đồng ý và kêu N tắt đèn, N và T1 tự cởi quần áo giao cấu với nhau được khoảng 4 phút thì N xuất tinh vào âm hộ của T1 thỏa mãn. Cả hai vào nhà vệ sinh tắm, mặc lại quần áo rồi lên giường nằm ôm nhau khoảng 30 phút thì N nói với T1 là có hẹn đi gặp bạn rồi quay lại nhưng T1 không chịu nên N trả phòng và trả số tiền 100.000đ rồi chở T1 đến nhà người bạn tên C sử dụng ma túy với những người bạn, T1 đi theo N nhưng không có sử dụng ma túy.

Đến khoảng 16 giờ ngày 25/11/2016, N kêu người bạn tên T5 đưa N, T1 trở lại nhà trọ P tiếp tục thuê phòng số 05. N sử dụng giấy chứng minh nhân dân của người bạn mang tên Phan Hồng T6, sinh năm 1995 ngụ ấp K, xã T, thành phố S (vì trước đây T6 có vào thuê nhà trọ thiếu 50.000đ nhờ N đến trả tiền lấy giấy chứng minh nhân dân giùm). Khi vào phòng N, T1 kêu chủ nhà trọ nấu mì gói ăn xong cả hai tự cởi đồ ra để thực hiện hành vi giao cấu lần thứ hai khoảng 5 phút thì N xuất tinh vào âm hộ của T1 thỏa mãn. Sau khi giao cấu xong, N và T1 ngủ đến sáng hôm sau thì N đi về nhà để kiểm tiền để trả tiền nhà trọ nhưng không có tiền nên không trở lại chỗ T1 mà ngủ ở tại nhà, riêng T1 tiếp tục ở lại nhà trọ P đến ngày 30/11/2016 thì được con của chủ nhà trọ P tên Nguyễn Hải Đ dùng xe mô tô đưa về nhà. Châu Ngọc T1 kể lại sự việc N giao cấu cho mẹ và chị của T1 nghe nên họ đến cơ quan công an tố giác, Trần Trọng N bị bắt giữ làm rõ vụ án.

Tại kết luận giám định pháp y về tình dục số 99/TD-TTPY ngày 01/12/2016 của Trung T1 pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Châu Ngọc T1: Âm hộ không tổn thương, màng trinh dẫn rộng, vết bầm ở vị trí 05 giờ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho chủ nhà trọ P là anh Nguyễn Phước T5 nhận dạng đã xác nhận bị cáo Trần Trọng N chính là người đã dẫn bị hại Châu Ngọc T1 vào thuê nhà trọ ngày 25/11/2016.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Trọng N thừa nhận hai lần thực hiện hành vi giao cấu với bị hại Châu Ngọc T1 phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Trọng N phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Áp dụng khoản 4 Điều 112; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trọng N 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2017, bị cáo Trần Trọng N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bổ sung kháng cáo xin giám định xương xác định độ tuổi của người bị hại.

Ý kiến của Kiểm sát viên, người bị hại có giấy khai sinh và ngày, tháng năm sinh hoàn toàn phù hợp với giấy chứng sinh do cơ quan y tế cấp khi sinh nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị cáo về việc giám định tuổi bị hại; đồng thời đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin giám định tuổi của bị hại và giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Trọng N (T) đã nhìn nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm nêu. Lời nhận tội này hoàn toàn phù hợp lời khai của người bị hại, nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có căn cứ xác định: Bị cáo Trần Trọng N là người đã trưởng thành, còn cháu Châu Ngọc T1, sinh ngày 25/8/2004, nhưng vào giữa đêm 24 sáng ngày 25/11/2016, bị cáo đưa cháu T1 vào nhà trọ thuê phòng thực hiện hành vi giao cấu, sáng sớm trả phòng và đưa cháu T1 đi. Đến chiều cùng ngày, bị cáo lại tiếp tục dẫn cháu T1 vào nhà trọ thuê phòng và tiếp tục thực hiện việc giao cấu lần thứ hai. Xét việc bị cáo thực hiện hành vi giao cấu mặc dù có sự đồng ý của cháu T1, tuy nhiên thời điểm thực hiện cháu T1 chỉ mới 12 tuổi 03 tháng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo bổ sung kháng cáo yêu cầu được giám định xương để xác định tuổi của người bị hại là không có

căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ căn cứ vào giấy khai sinh của cháu T1 phù hợp với giấy chứng sinh do bệnh viện đa khoa S – tỉnh Đồng Tháp cấp đều thể hiện ngày sinh của cháu T1 là 25/8/2004. Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xác định tuổi người bị hại theo giấy khai sinh là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội; đã lợi dụng bị hại còn nhỏ tuổi, nhận thức nông cạn để thực hiện hành vi giao cấu thỏa mãn dục vọng của mình; xâm phạm nghiêm trọng tình dục trẻ em, xâm hại danh dự, nhân phẩm và sức khỏe của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội, nên cần thiết xử phạt nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, hối cải, tự nguyện bồi thường những thiệt hại cho gia đình người bị hại, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có ông nội là người có công với cách mạng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; áp dụng khoản 4 Điều 112; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 12 năm tù, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mức án trên là thỏa đáng.

[3] Xét các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, bị cáo kháng cáo và tại phiên tòa có nộp biên lai thu tiền (do cha bị cáo nộp) khắc phục hậu quả và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tình tiết tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả đã được cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm thêm hình phạt đối với bị cáo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, Hội đồng xét xử không xem xét. Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 4 Điều 112; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Trọng N (T) và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Trần Trọng N (T) 12 (mười hai) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2016.

Căn cứ Điều 243 của Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Trọng N (T) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật

chứng, án phí sơ thẩm và Nghĩa vụ chậm thi hành án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp (1);
- Công an tỉnh Đồng Tháp (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (1)
- Bị cáo (qua trại) (1);
- Lưu VP (3), HS (2), (16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Công Lý